

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày: 29-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1998, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông S và bà H; có chồng và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

- Bị hại: L, sinh năm 1945. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; đã chết.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Người đại diện theo pháp luật: Ông L1, sinh năm 1943; chị L2, sinh năm 1971; anh N, sinh năm 1976; anh N1, sinh năm 1981; chị D, sinh năm 1983; anh K, sinh năm 1988; anh T1, sinh năm 1990; Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Chị T2, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, chị L1, chị T2, anh N, anh N1, chị D và anh K là anh T1 (Các Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 27 tháng 4 năm 2021); có mặt.

- *Người làm chứng*: S có mặt, T3, Đ, L3 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 10 phút ngày 10 tháng 12 năm 2020, T điều khiển xe mô tô biển số 66G1-XXX.XX đi từ hướng xã L về xã A, đến đoạn đường thuộc ấp A, xã A thì va chạm vào bà L đang đi bộ từ lề đường bên phải sang lề bên trái theo hướng di chuyển của xe T điều khiển. Hậu quả bà L bị chấn thương vùng đầu được gia đình đưa Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị, nhưng do vết thương nặng, nên ngày 11 tháng 12 năm 2020, bà L tử vong.

Biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 11 tháng 12 năm 2020 thể hiện: Đoạn đường thẳng tầm nhìn không bị che khuất, mặt đường được làm bằng bê tông nhựa bằng phẳng, có bề rộng 3,65m, không có vạch sơn ở giữa đường. Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 66G1-XXX.XX và bà L cách lề đường bên phải theo hướng từ xã L về xã A (hướng xe bị cáo T chạy) là 2,54m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 09/KL-KTHS, ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Bà L bị đa chấn thương, trong đó chấn thương nứt sọ, xuất huyết não là nguyên nhân gây tử vong.

Quá trình điều tra T thừa nhận khi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe và không nhường đường cho người đi bộ gây tai nạn dẫn đến bà L tử vong.

Vật chứng trong vụ án: Xe mô tô biển số 66G1-XXX.XX; Xe đạp điện, màu sơn trắng đỏ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông S và anh T1.

Về dân sự: Ngày 22 tháng 02 năm 2021, đại diện hợp pháp bị hại là anh T1 có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự đối với bị cáo T. Ngày 15 tháng 3 năm 2021, anh T1 có nhận hỗ trợ chi phí điều trị bệnh bà L từ gia đình Thư số tiền 5.000.000đ.

Tại Cáo trạng truy tố số 13/CT-VKSHN ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo T 12 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Về vật chứng và dân sự: Đã xử lý xong nên không đề cập. Đối với ông S là chủ sở hữu xe mô tô gây tai nạn, không biết việc bị cáo T lấy xe tham gia giao thông, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại, anh T1 xin tha thứ cho bị cáo, miễn, giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đã điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, đi không đúng phần đường và không nhường đường cho người đi bộ, vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9 và khoản 4 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, va chạm vào bà L đang đi bộ qua đường, làm nạn nhân tử vong là hoàn toàn do lỗi của bị cáo.

[4] Tính mạng, sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm, được Nhà nước ưu tiên bảo vệ, chế tài bởi pháp luật. Vậy mà, bị cáo không chấp hành đúng luật, không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, điều khiển xe gây ra tai nạn làm chết người. Nếu bị cáo thực hiện đúng các quy định của Luật Giao thông đường bộ thì không có hậu quả chết người và ngày hôm nay bị cáo cũng không phải đứng trước phiên tòa.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây tâm lý không an toàn trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông.

[6] BLHS quy định: “Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;...”

[7] Do đó, đã đủ căn cứ để kết luận bị cáo T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 260 của BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhưng theo quy định tại Điều 29 của BLHS thì bị cáo không thuộc căn cứ nào được miễn nên bị cáo không được miễn trách nhiệm hình sự.

[9] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[10] Bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; làm ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của người khác và của chính bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày do hết sữa, phải đi mua sữa cho con nên bị cáo đã tự lấy xe của cha đi và gây ra tai nạn.

[11] Về nhân thân: Bị cáo thành phần nhân dân lao động, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[12] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[13] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; Bị cáo phạm tội lần đầu, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, con bị cáo còn nhỏ, chưa đủ 01 tuổi, do hết sữa nên bị cáo phải lấy xe đi mua sữa cho con mới gây ra tai nạn; đại diện bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con nhỏ, nên Hội đồng xét xử xem xét là các tình tiết

giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[14] Tòa án căn cứ vào các tình tiết nêu trên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, theo quy định tại Điều 50 BLHS.

[15] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông như bị cáo.

[16] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự, con còn nhỏ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[18] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[19] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1.2. Xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29 tháng 4 năm 2021).

1.3. Trong thời gian thử thách, giao người được hưởng án treo T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

1.4. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án T phải chấp hành hình phạt tù của bản

án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo T phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.5. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí, Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 4 năm 2021).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú